

NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA ĐỊA LÝ TỚI RỦI RO CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Nhật Minh*

Bài viết phân tích tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý đến rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2023. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng không cân bằng từ 25 ngân hàng thương mại Việt Nam và áp dụng phương pháp GMM hai bước cùng phương pháp hồi quy phân vị. Kết quả cho thấy chiến lược đa dạng hóa địa lý giúp nâng cao an toàn và giảm thiểu rủi ro tín dụng cho các ngân hàng thương mại trong mẫu nghiên cứu. Đồng thời, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách và quản lý ngân hàng, khuyến khích việc thực hiện chiến lược đa dạng hóa địa lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

• Từ khóa: đa dạng hóa địa lý, rủi ro, ngân hàng, Việt Nam.

This paper investigates the impact of geographical diversification strategy on Vietnamese commercial banks' risk-taking in the period 2008-2023. The study uses unbalanced panel data from 25 Vietnamese commercial banks, combined with the two-step GMM method and quantile regression method. The results show that geographical diversification strategy helps improve safety and minimize credit risk for commercial banks. Specifically, expanding operations to many different regions helps banks minimize the impact of local risks and credit risks, thereby maintaining stable operations. In addition, the quantile regression model also shows that banks with high risks (low Z-score) will benefit more from applying this strategy. The results of the study have important implications for policy makers and bank managers, encouraging the implementation of geographical diversification strategies to improve the operational efficiency and safety of the Vietnamese banking system.

• Key words: geographic diversification, risk, banking, Vietnam.

Ngày gửi bài: 20/12/2024

Ngày gửi phản biện: 23/12/2024

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 10/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 27/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i283.09>

1. Giới thiệu

Ngân hàng là trung gian tài chính và đóng vai trò hết sức quan trọng trong mọi nền kinh tế (Casu và cộng sự, 2006). Thứ nhất, ngân hàng là nguồn cung ứng vốn chủ yếu của nền kinh tế, là công cụ quan trọng thúc đẩy lực lượng sản xuất. Thứ hai, ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và

thị trường vốn thông qua hoạt động tín dụng của ngân hàng. Thứ ba, ngân hàng còn là cầu nối giữa nền tài chính quốc gia và nền tài chính quốc tế. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, ngân hàng là một công cụ quan trọng để ngân hàng trung ương điều tiết kinh tế vĩ mô thông qua các chính sách tiền tệ (Casu và cộng sự, 2006). Vì vậy, đảm bảo hệ thống ngân hàng luôn hoạt động an toàn, hiệu quả là mối quan tâm hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách.

Mặc dù đã nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học, tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây thường tập trung xem xét tác động của chiến lược đa dạng hóa tới hiệu quả hoạt động và rủi ro của các ngân hàng thương mại (NHTM) dưới các khía cạnh như chiến lược đa dạng hóa lợi nhuận (Gambacorta và cộng sự, 2014; Edirisuriya và cộng sự 2015; Lucchetta 2015); chiến lược đa dạng hóa sản phẩm (Saghi-Zedek, 2016); chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn (Pham và Nguyen, 2023) mà chưa có nhiều nghiên cứu về tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý, đặc biệt là với mẫu nghiên cứu là các NHTM Việt Nam. Theo đó, đa dạng hóa địa lý là chiến lược của ngân hàng nhằm mở rộng hoạt động và khách hàng sang các địa phương hay thị trường mới bằng cách thành lập các chi nhánh mới hoặc thu tóm những chi nhánh đã có với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam trong những năm gần đây đã có những bước tăng trưởng ấn tượng. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến cuối năm 2024, hệ thống ngân hàng Việt Nam có 46 ngân hàng, bao gồm: 04 ngân hàng thương mại nhà nước, 31 ngân hàng thương mại cổ phần,

* Học viện Ngân hàng; email: minhnn@hvn.edu.vn

09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 02 ngân hàng chính sách, 06 ngân hàng và nhiều chi nhánh ngân hàng quốc tế (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2024). Tổng tài sản toàn hệ thống ngân hàng tính đến hết tháng 1 năm 2024 đạt 19.545.672 tỷ đồng, gấp ba lần so với năm 2014 (6.514.900 tỷ đồng). Vốn điều lệ của toàn hệ thống ngân hàng cũng tăng mạnh từ 435.649 tỷ đồng năm 2014 lên 1.003.601 tỷ đồng năm 2023 (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2014, 2024). Trong đó, các ngân hàng thương mại chiếm hơn 80% tổng tài sản và vốn điều lệ của hệ thống ngân hàng. Đi kèm với việc tăng quy mô về tài sản và vốn điều lệ, các NHTM Việt Nam cũng tích cực mở rộng mạng lưới giao dịch với mục tiêu phục vụ tối đa khách hàng cũng như gia tăng độ phủ sóng thương hiệu. Tuy nhiên, việc mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch cũng đặt ra nhiều thách thức về yêu cầu trình độ quản lý đội ngũ nhân sự, gia tăng rủi ro cũng như chi phí hoạt động, làm suy giảm hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Bài viết sử dụng bộ dữ liệu bảng không cân bằng của 25 NHTM Việt Nam trong giai đoạn từ 2008 - 2023, kết hợp với phương pháp GMM hai bước (Two-step Generalized Method of Moments - Two-step GMM) và phương pháp hồi quy phân vị (Quantile regression) nhằm đánh giá tác động của đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam. Từ đó đưa ra các đề xuất, khuyến nghị nhằm giúp hệ thống NHTM Việt Nam phát triển và hoạt động an toàn hơn.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các ngân hàng thương mại

2.1. Khái niệm và đo lường chiến lược đa dạng hóa địa lý của các ngân hàng thương mại

Về mặt khái niệm, Obinne và cộng sự (2012) định nghĩa đa dạng hóa địa lý là việc một ngân hàng mở các chi nhánh bên ngoài địa điểm trụ sở chính, trong khi Goetze và cộng sự (2013), định nghĩa đó là sự phân bổ tài sản của ngân hàng trên các điểm địa lý khác nhau. Có liên quan chặt chẽ đến đa dạng hóa địa lý là đa dạng hóa quốc tế, đòi hỏi phải mở rộng các điểm cung cấp dịch vụ ngân hàng xuyên biên giới thông qua các chi nhánh hoặc công ty con (Berger và cộng sự, 2010). Cả chiến lược đa dạng hóa địa lý và đa dạng hóa quốc tế đều được sử dụng để gia tăng phạm vi tiếp cận hoặc phân tán rủi ro cụ thể của quốc gia (Lin, 2010). Tổng quát lại, có thể hiểu đa dạng hóa địa lý là một chiến lược được các NHTM sử dụng nhằm gia tăng các chi nhánh và điểm cung cấp dịch vụ trên một ranh giới địa

lý, thường là một quốc gia, từ đó giúp mở rộng thị trường và thị phần kinh doanh cũng như phân tán rủi ro. Trong nghiên cứu này, tham khảo các công trình của Berger và cộng sự (2010), Obinne và cộng sự (2012), Goetze và cộng sự (2013), chúng tôi sử dụng tiêu chí số lượng tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đặt trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch, để đo lường mức độ đa dạng hoá địa lý của ngân hàng.

2.2. Tổng quan nghiên cứu về tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các ngân hàng thương mại

Mặc dù đã nhận được sự quan tâm của nhiều học giả, tuy nhiên, tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các ngân hàng vẫn chưa có sự thống nhất giữa các nghiên cứu.

Một mặt, đa dạng hóa địa lý có thể giúp các ngân hàng giảm thiểu rủi ro thông qua việc đa dạng được danh mục cho vay cho các khách hàng ở nhiều khu vực địa lý khác nhau, từ đó giảm thiểu rủi ro tín dụng nếu xảy ra khủng hoảng ở một địa phương cục bộ (Deng và Elyasiani, 2008; Meslier-Crouzille và cộng sự, 2015; Goetz và cộng sự, 2014). Chionsini và cộng sự (2003) nhận thấy rằng việc đa dạng hóa danh mục cho vay trên nhiều lĩnh vực khác hoặc nhiều khu vực địa lý làm giảm rủi ro tín dụng cho các ngân hàng tại Ý. Ngoài ra, Corgel và Gerald (1987) và Jochem (2013) chỉ ra rằng việc đa dạng hóa địa lý giúp giảm tỷ lệ phá sản của ngân hàng tại Hoa Kỳ, đặc biệt tại các ngân hàng quy mô nhỏ. Nghiên cứu của Levine và cộng sự (2016) cũng cho thấy việc đa dạng hóa địa lý giúp các ngân hàng Hoa Kỳ giảm thiểu các chi phí hiệu quả hơn, từ đó có rủi ro thấp hơn.

Mặt khác, một số nghiên cứu lại cho thấy việc mở rộng phạm vi địa lý hoạt động sẽ làm gia tăng rủi ro cho các ngân hàng. Sử dụng mẫu là các ngân hàng Hoa Kỳ, Chu và cộng sự (2019) chỉ ra rằng việc đa dạng hóa địa lý khiến các ngân hàng đối mặt với rủi ro hệ thống cao hơn thông qua việc gia tăng tính tương đồng của tài sản. Đặc biệt, tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý đối với rủi ro hệ thống mạnh hơn tại các ngân hàng ở các tiểu bang không có sự tương đồng trong phát triển kinh tế chung của Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, Liang và Rhoades (1988) cũng tìm ra mối quan hệ tiêu cực giữa mức độ đa dạng hóa địa lý với vốn và lợi nhuận của các ngân hàng Hoa Kỳ trong giai đoạn 1976-1985.

Tổng quát lại, tổng quan nghiên cứu chỉ ra rằng tác động của chiến lược đa dạng hóa tới rủi ro của các ngân hàng thương mại là một chủ đề nhận được

hiều sự quan tâm của các học giả, tuy nhiên các kết quả nghiên cứu vẫn chưa có sự thống nhất chung, và vẫn thiếu vắng các nghiên cứu tại Việt Nam, mở ra khoảng trống nghiên cứu cho bài viết này.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu bảng không cân bằng của 25 NHTM Việt Nam trong giai đoạn từ 2008 - 2023. Bộ dữ liệu được thu thập từ bộ cơ sở dữ liệu của WiData và báo cáo thường niên của các NHTM. Các dữ liệu vĩ mô như tăng trưởng GDP và lạm phát được thu thập từ các bộ cơ sở dữ liệu uy tín như Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm Stata 16 để thực hiện phân tích định lượng tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam.

Để tiến hành phân tích định lượng tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam, bài viết đề xuất phương trình như sau:

$$\ln Z_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 Province_{i,t} + \beta_2 control_{i,t} + u_i + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

$\ln Z_{i,t}$ là Logarit tự nhiên Z score của ngân hàng i tại thời điểm t

$Province_{i,t}$ là số lượng tỉnh, thành phố nơi ngân hàng i đặt trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch tại thời điểm t

$control_{i,t}$ là các biến kiểm soát khác của ngân hàng i tại thời điểm t

u_i là sai số ngẫu nhiên

ε_{it} là phần dư.

Bài viết sử dụng phương pháp GMM hai bước (Two-step Generalized Method of Moments - Two-step GMM) và phương pháp hồi quy phân vị (Quantile regression) nhằm đánh giá tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam. Mô hình GMM hai bước giúp giải quyết vấn đề nội sinh xảy ra trong mô hình dữ liệu bảng; trong khi phương pháp hồi quy phân vị được sử dụng để đánh giá tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam theo từng nhóm phân vị của biến phụ thuộc.

Bảng 1: Danh sách các biến trong nghiên cứu

Tên biến	Viết tắt	Nguồn
<i>Biến phụ thuộc rủi ro của ngân hàng</i>		
Z-Score	lnZ	Báo cáo tài chính của các NHTM
Tỷ lệ nợ xấu	NPL	Báo cáo tài chính của các NHTM

Tên biến	Viết tắt	Nguồn
<i>Biến độc lập đa dạng hóa địa lý</i>		
Số lượng tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đặt Trụ sở, Chi nhánh/PGD	Province	Báo cáo thường niên của các NHTM
<i>Biến kiểm soát</i>		
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản	Capital	Báo cáo tài chính của các NHTM
Tỷ lệ chi phí trên thu nhập	CIR	Báo cáo tài chính của các NHTM
Khả năng đa dạng hóa nguồn vốn	FDIV	Báo cáo tài chính của các NHTM
Khả năng đa dạng hóa thu nhập	IDIV	Báo cáo tài chính của các NHTM
Tăng trưởng kinh tế	GDP	World Bank
Lạm phát	INF	IMF

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Bảng 2: Thống kê mô tả dữ liệu nghiên cứu

Biến số	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Z	318	122.610	433.922	10.938	6600.147
NPL	318	0.022	0.021	0.003	0.298
Province	302	35.543	15.858	9	63
Capital	318	0.092	0.040	0.041	0.332
CIR	318	0.505	0.158	0.227	1.722
FDIV	318	0.507	0.116	0.195	0.754
IDIV	315	0.290	0.132	0.016	0.646
GDP	318	0.060	0.016	0.026	0.080
INF	318	0.047	0.041	0.006	0.231

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 2 thể hiện thống kê mô tả của bộ dữ liệu nghiên cứu. Theo đó, số lượng tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đặt Trụ sở, Chi nhánh/PGD (Province) trong giai đoạn 2008-2023 có sự khác biệt đáng kể giữa các NHTM Việt Nam. Ngân hàng TMCP Bản Việt năm 2010 là NHTM có sự hiện diện ít nhất tại các tỉnh thành phố với 9 tỉnh thành. Trong khi đó, các ngân hàng có Chi nhánh/Phòng Giao dịch hiện diện ở tất cả 63 tỉnh thành phố trên cả nước bao gồm: BIDV, Vietinbank, LienViet Postbank, HDBank.

Bảng 3: Ma trận tương quan giữa các biến độc lập

	Province	Capital	CIR	FDIV	IDIV	GDP	INF
Province	1.000						
Capital	-0.423	1.000					
CIR	-0.346	-0.088	1.000				
FDIV	-0.149	0.251	-0.264	1.000			
IDIV	0.236	0.039	-0.353	0.142	1.000		
GDP	-0.037	-0.024	0.132	0.012	-0.089	1.000	
INF	-0.176	0.199	-0.073	0.407	-0.142	0.031	1.000

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 3 trình bày kết quả ma trận tương quan giữa các biến độc lập. Kết quả cho thấy hệ số tương quan của các biến độc lập đều thấp hơn 80% nên các biến độc lập có hệ số tương quan thấp (không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến) và phù hợp với hồi quy (Hair và cộng sự, 2006).

4.2. Kết quả nghiên cứu chính

Bảng 4 trình bày kết quả nghiên cứu tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các

NHTM Việt Nam, trong đó, tại mô hình (1) chúng tôi sử dụng biến phụ thuộc chính là lnZ và biến phụ thuộc thay thế là tỷ lệ nợ xấu (NPL) tại mô hình (2). Hệ số hồi quy của biến Province có giá trị dương ở mô hình (1) và có giá trị âm ở mô hình (2) cũng như có ý nghĩa thống kê lần lượt ở mức 5% và 10% ở cả hai mô hình cho thấy chiến lược đa dạng hóa địa lý sẽ giúp các ngân hàng trở nên an toàn hơn (Z-score cao hơn) và giảm thiểu rủi ro tín dụng (NPL thấp hơn). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Deng và Elyasiani (2008) Meslier-Crouzille và cộng sự (2015), Goetz và cộng sự (2014) và Chionsini và cộng sự (2003). Theo đó, khi một ngân hàng phân bổ các hoạt động kinh doanh của mình trên nhiều khu vực địa lý khác nhau, họ sẽ hạn chế được tác động của các rủi ro cục bộ lên toàn bộ hoạt động của ngân hàng. Ví dụ, nếu một ngân hàng chỉ hoạt động tại một khu vực địa lý nhất định và khu vực đó gặp phải một sự kiện bất lợi như thiên tai, suy thoái kinh tế địa phương hoặc các sự cố chính trị, thì ngân hàng sẽ phải chịu ảnh hưởng nặng nề. Tuy nhiên, nếu ngân hàng đa dạng hóa hoạt động ở nhiều khu vực khác nhau, thì khi một khu vực gặp khó khăn, các khu vực khác vẫn có thể bù đắp và giúp ngân hàng duy trì được hoạt động ổn định. Hơn nữa, mạng lưới chi nhánh rộng khắp còn giúp ngân hàng tiếp cận nguồn vốn đa dạng hơn. Bằng cách mở các chi nhánh ở những khu vực khác nhau, ngân hàng có thể huy động được nguồn vốn từ nhiều nguồn khác nhau, như tiền gửi của khách hàng, các khoản vay từ các tổ chức tài chính khác, hoặc nguồn vốn do chính phủ cấp, từ đó giúp ngân hàng không phải quá phụ thuộc vào một nguồn vốn duy nhất, góp phần giảm rủi ro về thanh khoản. Bên cạnh đó, việc mở rộng mạng lưới chi nhánh và đa dạng hóa địa lý còn cho phép ngân hàng phân tán được các nguồn lực như nhân lực, công nghệ, cơ sở hạ tầng... Khi một chi nhánh gặp sự cố, các chi nhánh khác có thể hỗ trợ và thay thế, giúp ngăn ngừa các rủi ro liên quan đến tập trung quá mức. Điều này cũng tạo ra sự linh hoạt và khả năng phản ứng nhanh chóng của ngân hàng trước các biến động bất lợi. Không chỉ vậy, chiến lược đa dạng hóa địa lý với mạng lưới chi nhánh rộng khắp còn giúp ngân hàng tiếp cận được nhiều thông tin và dữ liệu hơn về thị trường, khách hàng, xu hướng và rủi ro. Nhờ đó, ngân hàng có thể ra các quyết định kinh doanh chính xác hơn, xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp và quản lý rủi ro hiệu quả hơn. Cuối cùng, việc mở rộng mạng lưới chi nhánh còn giúp tăng cường uy tín và thương hiệu của ngân hàng. Khi có mặt ở nhiều khu vực địa

lý, ngân hàng sẽ được khách hàng và thị trường nhìn nhận là một tổ chức tài chính uy tín, đáng tin cậy và có khả năng cạnh tranh cao, từ đó giúp ngân hàng thu hút thêm nhiều khách hàng và nguồn vốn, từ đó tăng cường sức mạnh tài chính và khả năng chống chịu rủi ro.

Bảng 4: Kết quả nghiên cứu chính

Biến số	Biến phụ thuộc lnZ	Biến thay thế NPL
	(1)	(2)
Province	0.03998** (0.020)	-0.00040* (0.000)
Capital	15.16224* (8.889)	0.15352 (0.044)
CIR	0.64694 (2.254)	0.03706* (0.020)
FDIV	-3.99394** (1.626)	-0.02869 (0.025)
IDIV	2.52018 (2.700)	0.01713 (0.013)
GDP	13.30054 (9.154)	-0.03412 (0.025)
INF	3.46757 (4.896)	0.01679 (0.038)
L.lnZ	0.13513 (0.215)	
L.NPL		-0.78535*** (0.093)
Constant	0.68017 (2.721)	0.03019 (0.025)

Bảng 4 trình bày kết quả mô hình đánh giá tác động của đa dạng hóa địa lý đến rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu đã loại bỏ các giá trị ngoại lai (outliers) ở mức 1% và 99% để hạn chế các tác động nhiễu. Độ lệch chuẩn hiệu chỉnh được trình bày trong ngoặc đơn. *, **, *** tương ứng với các mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Tính toán của tác giả

Đối với tỷ lệ nợ xấu, trước hết, khi mở rộng mạng lưới chi nhánh, ngân hàng có thể tiếp cận và phục vụ một số lượng lớn hơn các phân khúc khách hàng và địa bàn kinh doanh. Thay vì chỉ tập trung vào một khu vực địa lý nhất định, ngân hàng có thể mở rộng hoạt động ra nhiều vùng miền, tiếp cận được các phân khúc khách hàng mới như doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, các cá nhân với nhu cầu tài chính đa dạng. Điều này không chỉ giúp tăng quy mô hoạt động và thị phần mà còn góp phần phân tán rủi ro tín dụng. Khi có nhiều chi nhánh hoạt động ở các khu vực khác nhau, ngân hàng có thể đa dạng hóa danh mục cho vay, tránh tập trung quá nhiều vào một ngành, một lĩnh vực hay một khách hàng cụ thể. Nếu một lĩnh vực hay khu vực gặp khó khăn, các hoạt động tín dụng ở các khu vực khác có thể bù đắp và giúp duy trì tổng thể rủi ro ở mức độ kiểm soát được, từ đó góp phần hạn chế tác động tiêu cực của những biến động bất lợi đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng. Mặt khác, việc mở rộng mạng

lưới chi nhánh còn giúp ngân hàng tiếp cận được nhiều nguồn thông tin về khách hàng và thị trường hơn. Các chi nhánh có thể thu thập được nhiều dữ liệu về tình hình tài chính, nhu cầu, khả năng trả nợ của khách hàng tại địa phương mình hoạt động. Nhờ đó, ngân hàng có thể đánh giá và phân tích rủi ro tín dụng chính xác hơn, đồng thời xây dựng các chính sách tín dụng và quản lý rủi ro phù hợp với từng phân khúc khách hàng và khu vực.

4.3. Kết quả phương pháp hồi quy phân vị

Bên cạnh đó, để tiến hành phân tích kỹ hơn về tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam, bài viết tiến hành thực hiện hồi quy phân vị để đánh giá xem liệu có sự khác nhau về tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam giữa các phân vị khác nhau của rủi ro hay không. Phương pháp hồi quy truyền thống (tức là bình phương tối thiểu thông thường - OLS) thường sử dụng giá trị trung bình của mẫu với giả định rằng tồn tại mối quan hệ đồng nhất giữa đa dạng hóa địa lý và lợi nhuận cũng như rủi ro của NHTM (Phạm Phương Anh và Nguyễn Nhật Minh, 2024). Tuy nhiên, khi xuất hiện tính không đồng nhất trong mẫu nghiên cứu, việc sử dụng OLS truyền thống không phải lúc nào cũng mang lại những suy luận thực nghiệm tốt. Thay vì chỉ dựa vào một mô tả duy nhất về hành vi trung tâm của mẫu, phương pháp hồi quy phân vị khám phá một loạt các hàm phân vị có điều kiện. Cách tiếp cận này cho phép đề tài khám phá tính không đồng nhất có điều kiện tiềm ẩn. Hơn nữa, phương pháp hồi quy phân vị tránh được giả định rằng các sai số được phân bố đồng đều tại các mức phân vị lợi nhuận và rủi ro khác nhau của các NHTM Việt Nam.

Bảng 5: Kết quả mô hình hồi quy phân vị

	Q10 th	Q30 th	Q50 th	Q70 th	Q90 th
	lnZ	lnZ	lnZ	lnZ	lnZ
Province	0.0008899*	0.0006400*	0.0003968	0.0001978	0.0000071
	(0.0038606)	(0.0034502)	(0.0032631)	(0.0032904)	(0.0034680)

Nguồn: Tính toán của tác giả

Kết quả nghiên cứu từ bảng cho thấy chiến lược đa dạng hóa địa lý giúp cải thiện Z-score của các NHTM có phân vị Z-score thấp. Cụ thể, hệ số hồi quy của biến Province tại phân vị thứ 10 và phân vị thứ 30 của lnZ có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Bên cạnh đó, giá trị của hệ số hồi quy giảm dần theo mức độ gia tăng của phân vị lnZ. Kết quả này ngụ ý rằng đối với các NHTM kém an toàn (Z-score thấp), việc áp dụng chiến lược đa dạng hóa địa lý sẽ giúp các NHTM này nâng cao sự ổn định hiệu quả hơn so với các NHTM có Z-score cao.

Kết luận: Bằng cách sử dụng mẫu nghiên cứu của 25 NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2008-2023, kết hợp với các phương pháp phân tích dữ liệu bảng phù hợp, bài viết tiến hành đánh giá tác động của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới rủi ro của các NHTM Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chiến lược đa dạng hóa địa lý giúp các ngân hàng thương mại trở nên an toàn hơn và giảm thiểu rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, mô hình hồi quy phân vị cho thấy tác động tích cực của chiến lược đa dạng hóa địa lý tới sự an toàn của các NHTM Việt Nam mạnh mẽ hơn đối với các ngân hàng có rủi ro cao, hàm ý rằng các ngân hàng này nên thực hiện chiến lược đa dạng hóa địa lý nhằm giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả. Kết quả nghiên cứu của bài viết hữu ích cho các nhà thực thi chính sách, các nhà quản lý ngân hàng cũng như các nhà đầu tư trong việc thúc đẩy chiến lược đa dạng hóa địa lý, hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả và sự an toàn của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Berger A.N., Hassan I., & Zhou M., (2010). Effects of Focus vs. Diversification on Bank Performance: Evidence from Chinese banks. BOFIT discussion papers 4/2010, Bank of Finland: Institute of Economies in Transition.
- Casu, B., Moilyneux, P., & Girardone, C. (2006). Introduction to Banking. Prentice Hall Financial Times.
- Chionsini, G., Foglia, A., & Reeditz, P. M. (2003). Bank mergers, diversification and risk. Working Paper. Banca d'Italia, 1-47.
- Chu, Y., Deng, S., & Xia, C. (2020). Bank geographic diversification and systemic risk. The Review of Financial Studies, 33(10), 4811-4838.
- Corgel, J. B., & Gerald, D. G. (1987). Local economic base, geographic diversification, and risk management of mortgage portfolios. Real Estate Economics, 15(3), 256-267.
- Deng, S., & Elyasiani, E. (2008). Geographic diversification, bank holding company value, and risk. Journal of Money, Credit and Banking, 40(6), 1217-1238.
- Edirisuriya, P., Gunasekarage, A., & Dempsey, M. (2015). Bank diversification, performance and stock market response: Evidence from listed public banks in South Asian countries. Journal of Asian Economics, 41, 69-85.
- Gambacorta L., Scatigna M., and Yang J., (2014). Diversification and bank profitability: a nonlinear approach. Applied Economics Letters, 21(6), 438-441.
- Goetz, M. R., Laeven, L., & Levine, R. (2016). Does the geographic expansion of banks reduce risk?. Journal of Financial Economics, 120(2), 346-362.
- Goetz, M., Laeven, L., Levine, R., (2013). The Valuation Effect of Geographic Diversification: Evidence from US Banks. Review of Financial Studies 26(7), 1787-1823.
- Hair, Jr., J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (2006). Multivariate data analysis (6th Ed.) Upper Saddle River, NJ: Pearson-Prentice Hall.
- Jochem, T. (2013). Geographic diversification and bank stability: Evidence from the 2008-2011 U.S. banking crisis (pp. 1-59). Amsterdam: University of Amsterdam.
- Levine, R., Lin, C., & Xie, W. (2016). Geographic diversification and banks' funding cost. Working Paper. National Bureau of Economic Research.
- Liang, N., & Rhoades, S. A. (1988). Geographic diversification and risk in banking. Journal of Economics and Business, 40(4), 271-284.
- Lin, S. L., (2010). Bank international diversification on home bias, profitability and risk: Evidence from emerging and industrial countries. Africa Journal of Business Management, 4(17), 3817-3836.
- Lucchetta, M. (2015). Does the bank risk concentration freeze the interbank system?. The North American Journal of Economics and Finance, 33, 149-166.
- Meslier, C., Morgan, D. P., Samolyk, K., & Tarazi, A. (2015). The benefits of geographic diversification in banking. HAL paper, (01155170).
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014). Thông kê một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động của hệ thống các TCTD năm 2014.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2024). Thông kê một số chỉ tiêu cơ bản về hoạt động của hệ thống các TCTD năm 2024.
- Obinne U.G., Uchenna A.W., Nonye U.J., and Okelue U.D., (2012). Impact of Corporate Diversification on the Market Value of Firms: A study of Deposit Money Banks Nigerian. European Journal of Business and Management, 4(8).
- Phạm Phương Anh và Nguyễn Nhật Minh (2024). Nghiên cứu tác động của chính sách an toàn vĩ mô tới khả năng sinh lời- Bằng chứng thực nghiệm tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng, 267, 1-15.
- Pham, M. H., & Nguyen, N. M. (2023). Bank funding diversity, risk and profitability: Evidence from Vietnam in the context of the Covid-19 pandemic. Cogent Business & Management, 10(1), 2191305.
- Saghi-Zedek, N. (2016). Product diversification and bank performance: Does ownership structure matter? Journal of Banking & Finance, 71, 154-167.